PHỤ LỤC 04
KIỂM KÊ CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT TỈNH LẠNG SƠN
(Kèm theo Quyết định số 2101/QĐ-UBND ngày 25/ 9 /2025 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

STT	Nguồn nước (sông, suối, hồ)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/Phường	Tỉnh			
(1)	*(2)*	*(3)*		*(4)*	*(5)*	*(6)*
1	Sông Quảng Lạc (NMQL01)	Phường Lương Văn Tri	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	92	Năm 2024
2	Sông Quảng Lạc (NMQL02)	Phường Lương Văn Tri	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	98	Năm 2024
3	Suối Bản Bản (NMBB01)	Chiến Thắng	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	94	Năm 2024
4	Suối Bản Bản (NMBB02)	Phường Đông Kinh	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	95	Năm 2024
5	Sông Co Khuông (NMCK01)	Ba Sơn	Lạng Sơn	Sông Co Khuông	98	Năm 2024
6	Suối Pò Nhùng (NMPN01)	Ba Sơn	Lạng Sơn	Suối Pò Nhùng	98	Năm 2024
7	Suối Cò Riền (NMCR01)	Ba Sơn	Lạng Sơn	Suối Pò Nhùng	98	Năm 2024
8	Suối Thông Lốc (NMTL01)	Xuân Dương	Lạng Sơn	Hồng - Thái Bình	97	Năm 2024
9	Sông Tà San (NMTS01)	Na Dương	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	95	Năm 2024
10	Sông Tà San (NMTS02)	Na Dương	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	98	Năm 2024
11	Sông Tà San (NMTS03)	Na Dương	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	96	Năm 2024
12	Khuổi Cút (NMKC01)	Na Dương	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	88	Năm 2024
13	Khuổi Cút (NM15)	Na Dương	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	96	Năm 2024
14	Khuổi Cút (NM17)	Na Dương	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	99	Năm 2024
15	Sông Bản Thín (NMBT01)	Mẫu Sơn	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	98	Năm 2024
16	Sông Bản Thín (NMBT02)	Mẫu Sơn	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	98	Năm 2024
17	Sông Bản Thín (NMBT03)	Mẫu Sơn	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	98	Năm 2024
18	Sông Bản Thín (NMBT04)	Khuất Xá	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	97	Năm 2024
19	Suối Cầu Tâm (NMCT01)	Khuất Xá	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	93	Năm 2024
20	Sông Mô Pia (NMMP01)	Tri Lễ	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	96	Năm 2024
21	Sông Mô Pia (NMMP02)	Văn Quan	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	93	Năm 2024
22	Sông Mô Pia (NMMP03)	Văn Quan	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	98	Năm 2024
23	Sông Mô Pia (NMMP04)	Điềm He	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	94	Năm 2024
24	Sông Mô Pia (NM26)	Văn Quan	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	99	Năm 2024
25	Suối Nà Lốc (NMNL01)	Văn Quan	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	92	Năm 2024
26	Suối Nà Lốc (NMNL02)	Văn Quan	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	94	Năm 2024

STT	Nguồn nước (sông, suối, hồ)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/Phường	Tỉnh			
(1)	*(2)*	*(3)*		*(4)*	*(5)*	*(6)*
27	Suối Hoàng Việt (NMHV01)	Hoàng Văn Thụ	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	95	Năm 2024
28	Suối Hoàng Việt (NMHV02)	Na Sầm	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	95	Năm 2024
29	Suối Hoàng Việt (NM44)	Hoàng Văn Thụ	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	100	Năm 2024
30	Khuổi Xá (NMKX01)	Văn Lãng	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	95	Năm 2024
31	Suối Bản Xỏm (NMBX01)	Quốc Việt	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	98	Năm 2024
32	Sông Trung Thành (NMTT01)	Kháng Chiến	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	98	Năm 2024
33	Sông Trung Thành (NMTT02)	Kháng Chiến	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	98	Năm 2024
34	Sông Trung Thành (NMTT03)	Quốc Việt	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	98	Năm 2024
35	Sông Trung Thành (NMTT04)	Quốc Việt	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	98	Năm 2024
36	Khuổi Sáng (NMKS01)	Quốc Việt	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	98	Năm 2024
37	Sông Yên Lồ (NMYL01)	Thiện Long	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	97	Năm 2024
38	Sông Yên Lồ (NMYL02)	Thiện Long	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	98	Năm 2024
39	Sông Yên Lồ (NMYL03)	Thiện Thuật	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	98	Năm 2024
40	Sông Yên Lồ (NMYL04)	Thiện Hòa	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	98	Năm 2024
41	Sông Yên Lồ (NMYL05)	Quý Hòa	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	98	Năm 2024
42	Nậm Ăn (NMNA01)	Thất Khê	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	97	Năm 2024
43	Sông Kéo Liềng (NMKL01)	Hoa Thám	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	97	Năm 2024
44	Khuổi Khém (NMKKh01)	Hồng Phong	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	98	Năm 2024
45	Khuổi Khinh (NMKK01)	Tân Tri	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	96	Năm 2024
46	Khuổi Khinh (NMKK02)	Thiện Long	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	98	Năm 2024
47	Sông Thiện Hoà (NMTH01)	Thiện Hòa	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	98	Năm 2024
48	Sông Thiện Hoà (NMTH02)	Thiện Thuật	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	95	Năm 2024
49	Suối Khau Cà (NMKhC01)	Hồng Phong	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	95	Năm 2024
50	Suối Đồng Dưới (NMĐD01)	Vân Nham	Lạng Sơn	Hồng - Thái Bình	96	Năm 2024
51	Suối Đồng Trên (NMĐT01)	Yên Bình	Lạng Sơn	Hồng - Thái Bình	97	Năm 2024
52	Phụ lưu số 7 (NMPL701)	Cai Kinh	Lạng Sơn	Hồng - Thái Bình	95	Năm 2024
53	Suối Lao Ly (NM2)	Phường Tam Thanh	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	70	Năm 2024
54	Suối Đồng Đăng (NM8)	Đồng Đăng	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	100	Năm 2024
55	Suối Đồng Đăng (NM9)	Đồng Đăng	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	99	Năm 2024
56	Suối Giao Thủy (NM25)	Vân Nham	Lạng Sơn	Hồng - Thái Bình	96	Năm 2024

STT	Nguồn nước (sông, suối, hồ)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/Phường	Tỉnh			
(1)	*(2)*	*(3)*		*(4)*	*(5)*	*(6)*
57	Suối Khòn Xè (NM16)	Lợi Bác	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	99	Năm 2024
58	Suối Khuổi Bốc (NM27)	Văn Quan	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	100	Năm 2024
59	Hồ Phai Loạn (NM3)	Phường Tam Thanh	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	76	Năm 2024
60	Hồ Nà Tâm (NM4)	Phường Tam Thanh	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	97	Năm 2024
61	Hồ Nà Cáy (NM14)	Na Dương	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	99	Năm 2024
62	Hồ Phai Danh (NM32)	Bình Gia	Lạng Sơn	Suối Thâm Sáng	100	Năm 2024
63	Hồ Tam Hoa (NM33)	Hưng Vũ	Lạng Sơn	Suối Phai Lân	100	Năm 2024